https://trungtamthuoc.com/

Hộp 30 viên

THE BOX IS SUITABLE FOR RECYCLING

open

FRUBI CALCI

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

FRUBI CALCI

CHỈ ĐỊNH:

- BỆNH GAN DO NHIỄM ĐỘC VÀ VIÊM GAN
- HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH GAN MẠN TÍNH



MEDIPLANTEX

Thành phần: Mỗi viên chứa
Silymarin (tương ứng với 117-140mg Milk thistle dry extract *(Extractum Silybi mariani siccum))* 70 mg, Thiamine hydrochloride 4 mg, Riboflavin 4 mg, Nicotinamide 12 mg, Pyridoxine hydrochloride 4 mg, Calcium pantothenate 8 mg, Cyanocobalamin (tương ứng với 1,2 mg Vitamin B12 0,1%) 1,2 mcg.
Tá dược.....vừa đủ 1 viên

Cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Bảo quản:
Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

M.S.D.N: 0108687807-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LÊ LỢI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
Lê Thị Ánh

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

FRUBI CALCI

CHỈ ĐỊNH:

- BỆNH GAN DO NHIỄM ĐỘC VÀ VIÊM GAN
- HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH GAN MẠN TÍNH

MEDIPLANTEX



FRUBI CALCI

open

FRUBI CALCI

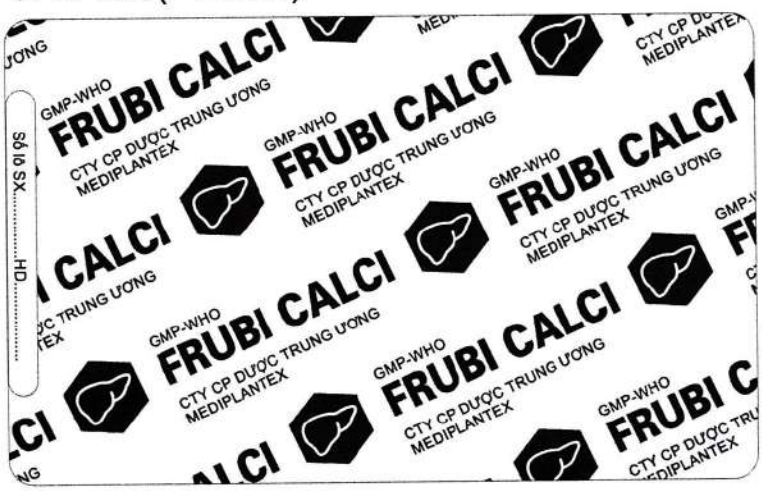
MEDIPLANTEX
SĐK/ Reg.No:.....

DÙNG THEO LIỀU CHỈ ĐỊNH

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
358 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội
SX tại: Nhà máy dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội
Số lô SX/ Lot.No:
Ngày SX/ Mfg:
Hạn dùng/ Exp:

Vỉ 10 viên (PVC/Alu)

Ngày 15 tháng 02 năm 2025



https://trungtamthuoc.com/

Hộp 20 viên

FRUBI CALCI

THIS BOX IS SUITABLE FOR RECYCLING

open

Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng

FRUBI CALCI

CHỈ ĐỊNH:

- BỆNH GAN DO NHIỄM ĐỘC VÀ VIÊM GAN
- HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH GAN MẠN TÍNH



MEDIPLANTEX

Thành phần: Mỗi viên chứa

Silymarin (tương ứng với 117-140mg Milk thistle dry extract *(Extractum Silybi mariani siccum))* 70 mg, Thiamine hydrochloride 4 mg, Riboflavin 4 mg, Nicotinamide 12 mg, Pyridoxine hydrochloride 4 mg, Calcium pantothenate 8 mg, Cyanocobalamin (tương ứng với 1,2 mg Vitamin B12 0,1%) 1,2 mcg.

Tá dược.....vừa đủ 1 viên

Cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Bảo quản:
Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

M.S.D.N:0108687807-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LÊ LỢI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Lê Thị Ánh

Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng

FRUBI CALCI

CHỈ ĐỊNH:

- BỆNH GAN DO NHIỄM ĐỘC VÀ VIÊM GAN
- HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH GAN MẠN TÍNH



MEDIPLANTEX

FRUBI CALCI

open

FRUBI CALCI

MEDIPLANTEX

SĐK/ Reg.No:.....

DÙNG THEO LIỆU CHỈ ĐỊNH

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
358 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội
SX tại: Nhà máy dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

Số lô SX/ Lot.No:
Ngày SX/ Mfg:
Hạn dùng/ Exp:

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

https://trungtamthuoc.com/

Hộp 10 viên



M.S.D.N:0108687807-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LÊ LỢI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
Lê Thị Ánh

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

https://trungtamthuoc.com/

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

FRUBI CALCI

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC CHO 1 VIÊN

Thành phần hoạt chất:

Silymarin (tương ứng với 117 - 140 mg Milk thistle dry extract (*Extractum Silybi mariani siccum*))	70 mg
Thiamine hydrochloride	4 mg
Riboflavin	4 mg
Nicotinamide	12 mg
Pyridoxine hydrochloride	4 mg
Calcium pantothenate	8 mg
Cyanocobalamin (tương ứng với 1,2 mg Vitamin B12 0,1%)	1,2 µg

Thành phần tá dược: Lactose monohydrate, microcrystalline cellulose, povidone K30, polysorbate 80, sepitrap 80 (magnesium aluminometasilicate (35-55%), polysorbate 80 (45-65%)), sodium starch glycolate, calcium silicate, talc, magnesium stearate, nang cứng số 0 màu xanh - xanh.

DẠNG BÀO CHẾ

Viên nang cứng.
Viên nang cứng số 0, màu xanh – xanh, bên trong chứa bột thuốc khô tơi màu vàng.

CHỈ ĐỊNH

Bệnh gan do nhiễm độc và viêm gan.
Hỗ trợ điều trị bệnh gan mạn tính.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Liều thường dùng:
Uống 1 viên/lần x 3 lần/ngày, sau ăn.
Để điều trị duy trì, có thể giảm liều xuống còn 1-2 viên/ngày.

Trẻ em và thanh thiếu niên:
Hiện chưa có kinh nghiệm về việc điều trị cho trẻ em. Do đó, không nên dùng thuốc này cho trẻ em.

https://trungtamthuoc.com/

Cách dùng:

Dùng đường uống.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Thuốc này không thay thế cho việc loại bỏ các nguyên nhân gây hại cho gan (như rượu).

Thuốc có chứa lactose (sachelac 80), bệnh nhân bị rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoàn toàn hoặc kém hấp thu glucose – galactose không nên dùng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ mang thai

Chưa có đủ dữ liệu về việc sử dụng thuốc cho phụ nữ mang thai.

Chưa có nghiên cứu đầy đủ trên động vật về ảnh hưởng đến thai kỳ, phát triển phôi, phát triển thai nhi và/hoặc phát triển sau sinh. Chưa biết nguy cơ tiềm ẩn cho con người.

Không nên dùng thuốc trong thai kỳ trừ khi thực sự cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Không có dữ liệu về việc sử dụng thuốc ở phụ nữ đang cho con bú. Do đó, không nên sử dụng thuốc trong thời gian cho con bú trừ khi thực sự cần thiết.

Khả năng sinh sản

Chưa có dữ liệu về ảnh hưởng của thuốc đến khả năng sinh sản.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có nghiên cứu cụ thể nào về ảnh hưởng của thuốc đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỴ CỦA THUỐC

Liều pyridoxin hydroclorid (vitamin B6) > 5 mg mỗi ngày có thể làm giảm tác dụng của levodopa.

In vitro, silymarin đã được chứng minh là ức chế các isoenzyme CYP. Tuy nhiên, tính liên quan lâm sàng của những phát hiện này chưa được chứng minh.

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR) CỦA THUỐC

https://trungtamthuoc.com/

Các tác dụng không mong muốn được phân nhóm theo tần suất: Rất thường gặp (ADR ≥ 1/10), thường gặp (1/100 ≤ ADR < 1/10), ít gặp (1/1000 ≤ ADR < 1/100), hiếm gặp (1/10 000 ≤ ADR < 1/1000), rất hiếm gặp (ADR < 1/10 000):

Rối loạn hệ miễn dịch
- Rất hiếm gặp: Phản ứng quá mẫn như ngứa, nổi mày đay, phát ban

Rối loạn hệ thần kinh
- Rất hiếm gặp: Đau đầu

Rối loạn tiêu hóa
- Ít gặp: Tiêu chảy, nhuận tràng nhẹ, buồn nôn
- Hiếm gặp: Khó tiêu
- Rất hiếm gặp: Đau bụng

Rối loạn cơ xương khớp và mô liên kết
- Rất hiếm gặp: Đau khớp

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ khi gặp các tác dụng không mong muốn như trên khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia. Địa chỉ: 13 - 15 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội. Điện thoại: 024.3.9335.618; Fax: 024.3.9335642; Email: di.pvcenter@gmail.com

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc. Điều trị quá liều chủ yếu là hỗ trợ và điều trị triệu chứng.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Thuốc điều trị bệnh gan
ATC: A05BA03

Cơ chế tác dụng

Hiệu quả điều trị của thuốc dựa trên tác dụng chống oxy hóa và ảnh hưởng đến tính thấm của màng tế bào gan.

Các vitamin nhóm B đóng vai trò như một đơn vị chức năng trong quá trình chuyển hóa trung gian. Thông qua ảnh hưởng của chúng với enzym đến quá trình chuyển hóa protein và carbohydrat, các vitamin này đã được chứng minh là có tác dụng bảo vệ gan trong các thí nghiệm trên động vật. Chúng giúp đẩy nhanh quá trình phục hồi nhu mô gan đã bị tổn thương. Mặt khác, trong trường hợp bệnh gan, hàm lượng vitamin nhóm B trong mô gan bị giảm đáng kể (mất khả năng dự trữ). Việc bổ sung vitamin nhóm B, như những vitamin có trong thuốc này, sẽ bù đắp sự thiếu hụt trên.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu

https://trungtamthuoc.com/

Silymarin: Silymarin được hấp thu 20-50% qua đường tiêu hóa và có sinh khả dụng thấp khi dùng đường uống.

Thiamin (Vitamin B1): Thiamin được hấp thu qua cơ chế vận chuyển tích cực ở tá tràng, hỗng tràng và hồi tràng.

Riboflavin (Vitamin B2): Riboflavin được hấp thu từ phần trên của đường tiêu hóa. Tuy nhiên, sự hấp thu liên quan đến cơ chế vận chuyển tích cực và mức độ hấp thu bị giới hạn bởi thời gian tiếp xúc của thuốc với niêm mạc ruột.

Nicotinamid: Nicotinamid được hấp thu dễ dàng qua đường tiêu hóa sau khi uống. Cơ chế hấp thu ở ruột rất phức tạp: ở mức hấp thu cao, sự khuếch tán thụ động chiếm ưu thế, trong khi ở mức hấp thu thấp, sự hấp thu xảy ra chủ yếu thông qua khuếch tán thuận lợi qua trung gian chất mang.

Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6): Pyridoxin được hấp thu nhanh chóng qua đường ruột.

Acid pantothenic: Acid pantothenic dễ dàng được hấp thu qua đường tiêu hóa sau khi uống.

Cyanocobalamin (Vitamin B12): Ở người khỏe mạnh, cyanocobalamin chỉ được hấp thu ở mức độ hạn chế và phụ thuộc vào nồng độ của "yếu tố nội tại". Một phần vitamin B12 được hấp thụ ở dạng tự do, nhưng phần lớn chỉ được hấp thu sau khi liên kết với "yếu tố nội tại".

Phân bố

Không có thông tin cụ thể.

Chuyển hóa

Silymarin: Sau khi uống, silymarin bị chuyển hóa mạnh mẽ và được tìm thấy trong nước tiểu dưới dạng liên hợp sulfo và glucuronyl, cho thấy ái lực cao với các enzyme pha II của gan.

Thiamin (Vitamin B1): Sau khi hấp thu qua niêm mạc ruột, thiamin được vận chuyển đến gan qua hệ tuần hoàn tĩnh mạch cửa. Một phần thiamin được hấp thu sẽ trải qua vòng tuần hoàn gan-ruột. Thiamin được chuyển hóa thành một số chất chuyển hóa, phần lớn được bài tiết qua nước tiểu, chủ yếu là acid thiaminic và pyramin, cùng với một lượng nhỏ thiamin dạng không đổi.

Riboflavin (Vitamin B2): Riboflavin được chuyển đổi thành coenzym riboflavin-5-phosphat (flavin mononuccleotid, FMN). FMN cũng được chuyển đổi thành một coenzym khác, flavin adenin dinucleotid (FAD). FMN và FAD phân bố rộng rãi trong các mô cơ thể, bao gồm cả tế bào niêm mạc đường tiêu hóa, hồng cầu và gan. Riboflavin được dự trữ với số lượng hạn chế trong gan, lách, thận và tim, chủ yếu dưới dạng FAD. Trong máu, khoảng 60% FAD và FMN liên kết với protein.

https://trungtamthuoc.com/

Nicotinamid: Nicotinamid được phân bố rộng rãi trong các mô cơ thể. Nó dễ dàng được hấp thu vào mô và được sử dụng để tổng hợp các coenzym nicotinamid adenin dinucleotid (NAD) và nicotinamid adenin dinucleotid phosphat (NADP). Gan đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa quá trình chuyển hóa nicotinamid. Phạm vi bình thường của nồng độ niacin toàn phần lưu hành trong máu toàn phần là 3,5-7,0 mg/L.

Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6): Trong cơ thể, nó được oxy hóa thành pyridoxal hoặc amid hóa thành pyridoxamin.
Điều kiện tiên quyết để hoạt động như một coenzym là sự phosphoryl hóa nhóm CH_2OH ở vị trí 5 (pyridoxal-5-phosphat, PALP). PALP liên kết với protein trong máu gần 80%. Pyridoxin chủ yếu được dự trữ ở cơ dưới dạng PALP.

Acid pantothenic: Nồng độ pantothenat trong huyết thanh bình thường là 100 µg/mL hoặc cao hơn. Acid pantothenic phân bố rộng rãi trong các mô cơ thể, chủ yếu dưới dạng coenzym A (CoA). Nồng độ cao nhất được tìm thấy ở gan, tuyến thượng thận, tim và thận.

Cyanocobalamin (Vitamin B12): Sau khi hấp thu từ đường ruột, vitamin B12 trong huyết thanh liên kết với các globulin beta liên kết B12 (transcobalamin) và alpha 1 liên kết B12 đặc hiệu. Vitamin B12 được dự trữ chủ yếu ở gan. Thời gian bán thải trong huyết tương khoảng 5 ngày, ở gan khoảng 1 năm.

Thải trừ

Silymarin: Sau khi uống, phần lớn silymarin được bài tiết qua mật và trải qua vòng tuần hoàn gan - ruột. Silibinin chủ yếu được bài tiết qua thận, trong khi các chất chuyển hóa, đặc biệt là liên hợp sulfat và glucuronid, xuất hiện trong mật. Silibinin được bài tiết trong khoảng 24 giờ ở người, tổng lượng silibinin bài tiết qua mật là 20-40% liều dùng. Chỉ có 3-7% tổng liều được bài tiết qua thận.

Thiamin (Vitamin B1): Sản phẩm bài tiết chính của thiamin là acid thiamin carboxylic và pyramin (2,5-dimethyl-4-aminopyrimidin) cùng với một lượng nhỏ thiamin không đổi.

Riboflavin (Vitamin B2): Chỉ khoảng 9% riboflavin được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi. Quá trình bài tiết riboflavin dường như bao gồm cả sự bài tiết ở ống thận và quá trình lọc ở cầu thận. Khi liều riboflavin tăng lên, lượng thuốc dưới dạng không đổi được bài tiết qua nước tiểu cũng tăng lên.

Nicotinamid: Nicotinamid được chuyển hóa ở gan thành N-methylniacinamid, các dẫn xuất N-methyl hóa khác và acid nicotinic. Các chất chuyển hóa này được bài tiết qua nước tiểu.

Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6): Sản phẩm bài tiết chính là acid 4-pyridoxic.

Acid pantothenic: Khoảng 70% liều uống acid pantothenic được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi và khoảng 30% qua phân.

https://trungtamthuoc.com/

Cyanocobalamin (Vitamin B12): Khi cơ thể được cung cấp đầy đủ cobalamin, khoảng 25% liều 1 mg sẽ được bài tiết qua nước tiểu trong vòng 24 giờ.

QUI CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên; Vỉ PVC/nhôm.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30^0C.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Nhà sản xuất.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
Trụ sở: Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Sản xuất tại: Nhà máy dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Ngày 1 tháng 03 năm 2025

M.S.D.N: 0108687807 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LÊ LỢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Ánh